

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 253 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục Khu kinh tế
với ĐT.631, xã Nhơn Phong**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3206/STNMT-CCBVMT ngày 11/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục Khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 18/UBND ngày 06/01/2023 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 64/TTr-STNMT ngày 17/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục Khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND huyện Phù Cát;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TUYẾN GIAO THÔNG KẾT NỐI ĐƯỜNG
TRỤC KHU KINH TẾ VỚI ĐT.631, XÃ NHƠN PHONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục Khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong.

- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn và xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.

- Địa chỉ liên hệ: 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối Đường trục Khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong theo Tiêu chuẩn thiết kế Đường ô tô TCVN 4054-2005, tương đương cấp IV đồng bằng. Tổng chiều dài tuyến đường là 1.822 m:

+ Điểm đầu giao với đường đường tỉnh lộ ĐT.631 của xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn.

+ Điểm cuối kết thúc tại đường trục Khu kinh tế thuộc xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát.

- Thoát nước:

+ Cống tròn: Nối dài 01 cống tròn D80, 02 cống tròn D100; Xây dựng mới 06 cống tròn D80, 02 cống tròn D80.

+ Cầu bản hộp và cống bản hộp: mở rộng 04 cầu bản hộp, kết cấu BTCT; xây dựng mới 01 Cống bản hộp, kết cấu BTCT.

+ Cống dọc, hố ga: Bố trí đoạn đi qua khu dân cư (đầu tuyến).

+ Hoàn trả mương thủy lợi: Xây dựng hoàn trả mương thủy lợi bê tông từ Km0+24,00 đến Km0+399,45 với chiều dài là 375,45 m.

- Các hạng mục khác: Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, an toàn giao thông trên tuyến, bó vỉa, vỉa hè.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

Phần đường: Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối Đường

trục khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong với tổng chiều dài tuyến đường là 1.822 m, bề rộng nền đường là 15,0 m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 01 công trường với diện tích khoảng 700 m².

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 02 nhà vệ sinh di động có dung tích 6 m³; 02 hồ lắng dung tích 6 m³/hồ để lắng lọc nước thải thi công; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 3,2 ha đất lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn (cuốn theo bùn, đất), chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; gây ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất, cát.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,125 m³/ngày, có hàm lượng chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và vi sinh,...
- Nước thải thi công phát sinh ước tính khoảng 1m³/ ngày. Nguồn nước thải chứa các chất ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, ...
- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 20 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Đất bóc hữu cơ phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng phát sinh với khoảng 9.026,8 m³.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi dự án phát sinh với khối lượng khoảng 4.943,38 m³ xà bần.

- Thực bì do quá trình phát quang phát sinh với khối lượng phát sinh 4,39 m³.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin hỏng,...) phát sinh với khối lượng khoảng 50 kg trong thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà 02 vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất. Bố trí các rãnh thu gom nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành: Thu gom vào hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày, cam kết bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín để tránh rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: định kỳ thực hiện vệ sinh tuyến đường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải sinh hoạt: bố trí 04 thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại mỗi công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý

theo quy định.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ: được tận dụng đắp vào hố móng cọc, cọc tiêu giao thông trong khu vực dự án.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy kín, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tại mỗi công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 3 m² tại công trường theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa (khoảng 3,2 ha). Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kênh mương

Xây dựng hoàn trả mương thủy lợi hiện trạng bị ảnh hưởng BxH = 60x80cm, chiều dài là 375,45 m bằng BTCT M250. Đoạn qua cống bản có chiều dài 10m sử dụng ống thép D80.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát môi trường không khí trong quá trình thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 05 vị trí.

+ 02 điểm trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và đổ thải – đoạn đi qua khu dân cư (toạ độ: 1.543.944; 597.160 và toạ độ: 1.541.232; 606.596).

+ 03 điểm tại vị trí đầu, giữa và cuối tuyến đường (toạ độ: 1.541.135; 595.688); (toạ độ: 1.541.516; 595.691); (toạ độ: 1.542.829; 596.182).

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ Tại nương đất phía Tây khu vực Dự án thuộc thôn Liêm Định, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn (toạ độ: 1.541.287; 595.674).

+ Tại nương đất phía Đông khu vực Dự án thuộc thôn Đại Hữu, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát (toạ độ: 1.542.696; 596.157).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1).